

Số: /2021/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường**

*Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thu nộp tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 2. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể**

**1. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể nhóm 1**

a) Sử dụng khu vực biển để nhận chìm trong vùng biển 06 hải lý, vùng biển liên vùng: 20.000 đồng/m<sup>3</sup>;

b) Sử dụng khu vực biển để nhận chìm ở vùng biển ngoài 06 hải lý: 18.000 đồng/m<sup>3</sup>.

## 2. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể nhóm 2

a) Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch trong vùng biển 06 hải lý: 7.500.000 đồng/ha/năm

b) Sử dụng khu vực biển để khai thác dầu khí, khai thác khoáng sản: 7.500.000 đồng/ha/năm;

c) Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch thuộc vùng biển liên vùng và ngoài vùng biển 06 hải lý: 6.000.000 đồng/ha/năm;

d) Sử dụng khu vực biển để trục vớt hiện vật, khảo cổ: 6.000.000 đồng/ha/năm.

## 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể nhóm 3

a) Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, lặn biển, đảo nhân tạo trong vùng biển 06 hải lý: 7.500.000 đồng/ha/năm;

b) Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, lặn biển, đảo nhân tạo thuộc vùng biển liên vùng và ngoài vùng biển 06 hải lý; sử dụng khu vực biển để xây dựng dân dụng và các công trình khác trong vùng biển 06 hải lý: 7.000.000 đồng/ha/năm;

c) Sử dụng khu vực biển để xây dựng dân dụng và các công trình khác tạo thuộc vùng biển liên vùng và ngoài vùng biển 06 hải lý: 6.000.000 đồng/ha/năm.

## 4. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể nhóm 4

a) Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm trong vùng biển 06 hải lý; sử dụng khu vực biển để lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện: 7.500.000 đồng/ha/năm;

b) Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm; sử dụng khu vực biển để lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện thuộc vùng biển liên vùng và ngoài vùng biển 06 hải lý: 6.000.000 đồng/ha/năm.

#### 5. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể nhóm 5

a) Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá trong vùng biển 06 hải lý: 5.000.000 đồng/ha/năm;

b) Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá thuộc vùng biển liên vùng và ngoài vùng biển 06 hải lý: 4.000.000 đồng/ha/năm.

#### 6. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể nhóm 6

a) Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió trong vùng biển 06 hải lý: 7.000.000 đồng/ha/năm;

b) Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió thuộc vùng biển liên vùng và ngoài vùng biển 06 hải lý; sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng sóng, thủy triều, dòng hải lưu trong vùng biển 06 hải lý: 4.000.000 đồng/ha/năm

c) Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng sóng, thủy triều, dòng hải lưu thuộc vùng biển liên vùng và ngoài vùng biển 06 hải lý: 3.000.000 đồng/ha/năm.

7. Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều này, mức thu tiền sử dụng khu vực biển trong vùng biển 06 hải lý: 7.000.000 đồng/ha/năm, thuộc vùng biển liên vùng và ngoài vùng biển 06 hải lý: 5.000.000 đồng/ha/năm.

### **Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thu nộp tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biên;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBTƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Các Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công báo; Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu VT, Vụ PC. Vụ KHCN, TCBHĐVN.

**BỘ TRƯỞNG**

**Trần Hồng Hà**